

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **219/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/7/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 758/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 93/29, khu phố 1, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc B1**, sinh năm 1987.

HKTT: 93/29, khu phố 1, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

Tạm trú: Nhà không số, tổ 2, khu phố 2A, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

(Chị H có đơn xét xử vắng mặt; ông B1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc B1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh B1 không tu chí làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, không biết chia sẻ cuộc sống hàng ngày. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên đã nhiều lần

vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh B1 đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B1.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/8/2014 và cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/9/2016. Ly hôn chị H xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, tạm thời không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc B1 được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/8/2014 và cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/9/2016 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tạm thời anh B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B1. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Kim H là nguyên đơn, anh Nguyễn Quốc B1 là bị đơn .

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quốc B1 có hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Đ và hiện nay đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Quốc B1 nhưng anh B1 không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, phiên toà xét xử; chị Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với chị H, anh B1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Quốc B1 tự nguyện kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ. Được Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 279/2013, quyển 02/2013 ngày 22/10/2013. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh B1 không tu chí làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, không biết chia sẻ cuộc sống hàng ngày. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh B1 đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B cung cấp: Quá trình chung sống tại địa phương chị H, anh B1 có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không biết nhưng hiện nay chị H và anh B1 đã sống ly thân với nhau. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B1 là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh B1 nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B1 đến Tòa án hoà giải nhưng anh B1 vẫn vắng mặt chứng tỏ không muốn hàn gắn gia đình, bỏ mặc hôn nhân. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B1.

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/8/2014 và cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/9/2016 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không xem xét, giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của chị H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H, chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/8/2014 và cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/9/2016 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Án phí HNGĐ-ST: Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001748 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Quốc B1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh